

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HIỆN NAY

PHAN MINH*

1. Vài nét về tình hình lao động nông thôn hiện nay.

Hiện nay, xu hướng tự do hoá thương mại và đầu tư đang thúc đẩy hình thành các trung tâm kinh tế, thương mại, các khu công nghiệp, khu chế xuất, thu hút đông đảo lực lượng lao động (LLLĐ) của toàn xã hội; trong đó, nhiều nhất là từ khu vực nông thôn. Việc mở cửa thị trường cũng làm thay đổi cơ cấu đầu tư, cơ cấu kinh tế và cơ cấu việc làm, nhờ vậy, làm thay đổi cơ cấu lao động. Trên thị trường lao động, có sự chuyển dịch lớn từ khu vực nông nghiệp sang các khu vực công nghiệp và dịch vụ. Ở đây, việc làm tăng thêm chủ yếu là những việc làm phi nông nghiệp, vì vậy, người nông dân có cơ hội tiếp cận và chuyển đổi sang làm việc ở những lĩnh vực khác ngoài nông nghiệp. Mặt khác, việc tiếp cận với các nguồn thông tin về thị trường tạo cho các doanh nghiệp tích cực triển khai kế hoạch phát triển thị trường, thúc đẩy xuất khẩu tại các thị trường truyền thống cũng như các thị trường xuất khẩu mới, nhờ đó, quy mô sản xuất được mở rộng, kéo theo là việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp và lĩnh vực có liên quan sẽ gia tăng, người nông dân có thêm các cơ hội việc làm mới, có cơ hội tăng thêm thu nhập.

Tuy nhiên, hiện nay, do tác động của khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, thất nghiệp và thiếu việc làm đang trở thành vấn đề “nóng” của nhiều quốc gia trên thế giới; trong đó, có Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số nước ta hiện khoảng 86,3 triệu người;

trong đó, khu vực nông thôn chiếm 72,1%. Lao động nông thôn chiếm 73,8% tổng LLLĐ (năm 1996 là 80%). Với mức tăng trưởng GDP trung bình 7% - 8%/năm và tỉ lệ nông nghiệp đóng góp là 20% trong tổng GDP của cả nước thì tỉ lệ lao động nông thôn ở nước ta như vậy còn quá cao, tốc độ thu hút lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp (công nghiệp, xây dựng và dịch vụ) còn chậm.

Năm 1996, cơ cấu lao động nông thôn phân theo ngành như sau: trong nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 82,3%; công nghiệp, xây dựng 6,8%; dịch vụ 10,9%. Con số này thay đổi tương ứng qua các năm là 79%, 8%, 13% (năm 2000) và 68%, 5%, 17% (năm 2008), tức là bình quân mỗi năm lao động nông nghiệp chỉ giảm được trên 1%.

Như vậy, trong giai đoạn 2000-2008, lao động nông nghiệp luôn chiếm trên 65% LLLĐ cả nước trong khi giá trị tạo ra của ngành này lại chỉ đạt ở mức 22-25% tổng sản phẩm trong nước. Điều này thể hiện tình trạng phân bố lao động bất hợp lý giữa các ngành kinh tế lớn, đặc biệt là giữa nông nghiệp với các ngành khác; phản ánh năng lực sản xuất nông nghiệp của chúng ta còn lạc hậu (sử dụng nhiều lao động). Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến tình trạng năng suất lao động bình quân ngành Nông nghiệp và thu nhập bình quân của lao động nông nghiệp luôn thấp và thấp hơn so với các ngành khác.

* Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Hiện nay, quy mô việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp đang có xu hướng giảm: từ 23,49 triệu lao động (năm 2000) xuống 23,02 triệu (năm 2004) và 22,17 triệu (năm 2007). Đây là sự thay đổi đúng hướng trong tiến trình CNH, HĐH sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, trong bối cảnh các hoạt động phi nông nghiệp (nhất là công nghiệp) ở nông thôn chưa thực sự phát triển thì đó sẽ là khó khăn về cơ hội việc làm tại chỗ đối với lao động ở nông thôn, đặc biệt là lao động có trình độ thấp.

Nguyên nhân của câu lao động nông nghiệp giảm chủ yếu liên quan đến đất sản xuất. Từ trước tới nay, đất vẫn được xem là tư liệu sản xuất chính ở nông thôn. Theo tính toán, bình quân 1 ha đất sản xuất nông nghiệp giải quyết việc làm cho 13-15 lao động. Nhưng những năm gần đây, khi có chính sách thu hồi đất, phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị hóa ở các địa phương thì diện tích đất sản xuất ngày càng có xu hướng bị thu hẹp do phải chuyển đổi mục đích sử dụng. Theo số liệu thống kê, diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trong giai đoạn 1990-2003 là 697.410 ha và trung bình mỗi năm sau đó sẽ mất khoảng 50 nghìn ha cho các nhu cầu phi nông nghiệp.

Trên thực tế, sau khi bị thu hồi đất, có tới 67% số lao động nông nghiệp vẫn giữ nguyên nghề cũ, 13% chuyển sang nghề mới và 20% không có việc làm hoặc có việc làm không ổn định. Thực trạng này là nguyên nhân chính của 53% số dân bị thu hồi đất có thu nhập giảm so với trước. Trung bình mỗi hộ bị thu hồi đất có 1,5 lao động rơi vào tình trạng không có việc làm, mỗi ha đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi có tới 13 lao động mất việc phải tìm cách chuyển đổi nghề nghiệp (cá biệt ở địa phương như Hà Nội có tới gần 20 người lao động bị mất việc). Ước tính, cả nước đã có trên 680 ngàn lao động nông nghiệp mất việc làm và đến năm 2010 sẽ có thêm 450 ngàn lao động mất việc nữa.

Giải quyết việc làm cho số lao động này

là bài toán hết sức khó khăn, bởi trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật của lao động nông thôn hiện nay thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước, hầu hết chưa qua trường lớp đào tạo, không đáp ứng được nhu cầu của phát triển công nghiệp, dịch vụ. 13,9% LLLĐ chưa tốt nghiệp tiểu học; 50% LLLĐ chưa tốt nghiệp trung học cơ sở; trong đó, có 4,4% không biết chữ. Trên 80% số lao động nông thôn chưa từng qua trường lớp đào tạo chuyên môn kỹ thuật nào... Nói cách khác, tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đến nay mới đạt 18,7%, còn rất thấp so với bình quân chung của cả nước là 25%; lao động nông thôn qua đào tạo nghề có sự chênh lệch lớn giữa các vùng kinh tế (vùng đồng bằng sông Hồng 19,4%, đồng bằng sông Cửu Long 17,9%; trong khi đó, vùng Tây Bắc chỉ có 8,3%). Vì thế, tuy đa số lao động nông nghiệp, nông thôn ở lứa tuổi trẻ nhưng khả năng chuyển đổi nghề nghiệp, cơ hội tìm kiếm việc làm của nhóm người này rất thấp khi họ bị thu hồi đất.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong một thời gian dài chưa được coi trọng đúng mức. Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, coi đào tạo nghề chỉ là cứu cánh có tính thời điểm, không phải là vấn đề quan tâm thường xuyên, liên tục và có hệ thống. Cơ chế, chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn được ban hành còn thiếu, bất cập và chậm được bổ sung, sửa đổi. Mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển chủ yếu tập trung ở khu vực đô thị, còn ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, số lượng cơ sở dạy nghề rất ít, quy mô dạy nghề nhỏ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu. Ngân sách nhà nước bố trí cho dạy nghề nói chung và dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng chưa tương xứng với yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề.

Kinh phí Dự án “Tăng cường năng lực dạy nghề” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo đến năm 2010 trong những năm qua tuy đã tăng nhưng số lượng trường và trung tâm dạy nghề được hỗ trợ đầu tư của Dự án còn ít (mới chỉ hỗ trợ cho 3 trường tiếp cận trình độ khu vực; 60 trường trọng điểm; 50 trường trung cấp nghề khó khăn; 219 trung tâm dạy nghề cấp huyện).

Mức kinh phí hỗ trợ cho các trung tâm dạy nghề huyện cũng hạn chế, mỗi trung tâm dạy nghề chỉ được hỗ trợ với mức 500-800 triệu đồng/năm, nhiều trung tâm dạy nghề mới được đầu tư trong 1-2 năm gần đây. Dự án cũng mới chỉ bố trí kinh phí để xây dựng các chương trình khung dạy nghề cho trình độ trung cấp, cao đẳng, chưa bố trí kinh phí để xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên; kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn trong Dự án hỗ trợ cho khoảng 300.000 người/năm. Mức hỗ trợ như vậy là quá thấp so với yêu cầu thực tế. Bên cạnh đó, các kênh thông tin việc làm và giao dịch ở nông thôn chưa phát triển, vai trò của các tổ chức giới thiệu việc làm còn mờ nhạt, tổ chức chính quyền ở một số nơi chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề này, thường do người dân tự lo là chủ yếu nên người lao động ở nông thôn hay tìm kiếm việc làm qua gia đình, họ hàng, bè bạn... Ngoài ra, sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở một số địa phương chậm, làng nghề ít phát triển, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ. Tất cả những lý do đó làm cho sự chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vốn đã chậm, sau khi thu hồi đất nông nghiệp, lao động nông nghiệp dôi dư nhiều hơn lại càng gặp nhiều thách thức.

Hiện nay, khủng hoảng kinh tế thế giới đang ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề lao động, việc làm nông nghiệp và nông thôn. Đỉnh đốn sản xuất ở các doanh nghiệp trong nước dẫn đến tình trạng mất việc làm, trực tiếp thu hẹp quy mô việc làm ở cả

nông thôn và thành thị. Theo Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cả nước có khoảng 350.000 doanh nghiệp, hàng năm, đóng góp khoảng 40% - 50% việc làm mới cho người lao động. Nhưng tới thời điểm này, đã có hơn 200.000 doanh nghiệp (60%) đang gặp khó khăn. Trong năm 2008 và 2009, đã có hàng chục ngàn lao động mất việc do khủng hoảng kinh tế. Thất nghiệp ở thành thị đang gây ra một dòng di chuyển lao động “ngược” về nông thôn.

Hơn nữa, khủng hoảng kinh tế làm ảnh hưởng xấu đến cơ hội xuất khẩu lao động của Việt Nam mà chủ yếu là lao động từ nông thôn. Đồng thời, sự sụt giảm xuất khẩu hàng hóa do khủng hoảng kinh tế thế giới, đặc biệt là hàng hóa nông lâm sản đã ảnh hưởng mạnh đến sản xuất nông nghiệp trong nước. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dệt may, dầu thô, điều, hải sản, cà phê, cơ khí, điện tử... đều có mức tăng trưởng thấp. Xu hướng này không chỉ làm giảm cầu lao động trong sản xuất công nghiệp, đặc biệt là các ngành gia công, chế biến mà còn giảm cả cầu lao động trong sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình...

2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm tạo việc làm cho lao động nông thôn.

Để giải quyết vấn đề việc làm trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, bên cạnh những nhóm giải pháp lớn của Chính phủ như thúc đẩy sản xuất - kinh doanh và xuất khẩu; thực hiện các biện pháp kích cầu đầu tư; chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp; đảm bảo an sinh xã hội..., cần triển khai thêm một số giải pháp cụ thể đối với vấn đề lao động, việc làm nông thôn:

Thứ nhất, phải đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyển lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp bằng các giải pháp khuyến khích phát triển công nghiệp và dịch vụ - đặc biệt là phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với từng vùng, phát triển kết cấu hạ tầng nông

thôn, phát triển hệ thống thông tin, tư vấn thị trường lao động, xuất khẩu lao động; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn qua giáo dục và đào tạo; phát triển thị trường lao động lành mạnh và hỗ trợ lao động nông thôn tham gia các thị trường (tài chính, đất đai, hàng hóa, khoa học kỹ thuật, lao động) hiệu quả. Hiện nay, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, tổ chức đoàn thể liên quan xây dựng Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" với tổng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước dự kiến khoảng 32.679 tỉ đồng. Theo đó, trong giai đoạn 2009-2010, sẽ tiếp tục thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn theo Dự án "Tăng cường năng lực dạy nghề" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo đến năm 2010 (khoảng 800.000 người); giai đoạn 2011-2015, đào tạo nghề cho 5.200.000 lao động nông thôn; giai đoạn 2016-2020, đào tạo nghề cho 6.000.000 lao động nông thôn, đồng thời, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội, đào tạo chuyên sâu cho 500.000 lượt cán bộ, công chức xã.

Bên cạnh việc tiếp tục nâng cao trình độ dân trí thông qua các phương tiện truyền thông, các chương trình phổ cập giáo dục quốc gia, cần tổ chức thường xuyên, liên tục các chương trình tập huấn cả về kỹ thuật sản xuất, kinh doanh nông nghiệp cũng như những chương trình tư vấn các mô hình, phương thức phát triển kinh tế và hỗ trợ các khoá đào tạo kỹ năng, kiến thức kinh tế ứng dụng cơ bản.

Phân loại đối tượng trong quá trình tổ chức đào tạo, tư vấn, bởi chất lượng của các hoạt động này phụ thuộc vào chương trình đưa ra có phù hợp với đối tượng được đào tạo hay không. Phát triển đa dạng các loại hình nghề nghiệp ở khu vực nông thôn thông qua các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn trên địa bàn và có kế hoạch để những đối tượng được đào tạo nghề có thể

tự phát triển hoặc phát triển nghề nghiệp thông qua các tổ chức Hội nghề nghiệp. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo nghề, các tổ chức hội, đoàn thể và chính quyền các cấp.

Ưu tiên đào tạo lao động xuất khẩu, chuẩn bị để đáp ứng tốt hơn nhu cầu lao động quốc tế sau khủng hoảng, hỗ trợ dự án đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn, nông dân và người nghèo thông qua các gói hỗ trợ dạy nghề và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; kéo dài thời gian đào tạo của học viên, sinh viên thông qua chính sách khuyến khích học viên, sinh viên học bổ sung, mở rộng, nâng cao kiến thức và tham gia bậc cao hơn sau khi tốt nghiệp.

Đặc biệt, đối với chiến lược đào tạo của quốc gia, cần có sự định hướng rõ ràng ngay từ cấp trung học. Trên cơ sở chiến lược phát triển quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể định hướng cho học sinh học tiếp sau bậc trung học phổ thông theo 3 nhóm đối tượng: khoảng 1/3 số học sinh phổ thông trung học sẽ tiếp tục học lên cao đẳng, đại học; 1/3 đào tạo nghề theo các mô hình công nhân kỹ thuật cao, số này sẽ cung cấp lao động cho các khu công nghiệp, khu chế xuất và phục vụ xuất khẩu; 1/3 còn lại sẽ được đào tạo nghề kỹ thuật cơ bản, nghề thủ công truyền thống, số này có thể đáp ứng được nhu cầu về LLD cho khối các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc chính họ cũng có thể tự tạo công việc cho mình bằng các cửa hàng dịch vụ nhỏ lẻ.

Thứ hai, duy trì sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lúa gạo và các loại nông sản, đảm bảo thực hiện được mục tiêu sản lượng và giải quyết việc làm thông qua nhiều gói hỗ trợ như gói tín dụng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các loại sản phẩm chiến lược như gạo, cao su, cà phê...; gói tín dụng hỗ trợ bao tiêu, chế biến nông sản... thông qua hoạt động của các tổng công ty; gói hỗ trợ lao động sản xuất nông nghiệp (nông dân) về giống, thủy lợi, phân bón...; tăng cường thu mua

và dự trữ quốc gia.

Bên cạnh đó, để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho khu vực nông thôn và nông dân, cần có những “cú huých” vào tư duy của LLLĐ này, cải thiện nếp nghĩ của họ về việc làm, thu nhập. Việc làm không đơn thuần là tạo ra các sản phẩm hiện vật thiết yếu phục vụ trực tiếp các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày mà việc làm phải được lượng hoá thành thu nhập về mặt giá trị, phải được tính toán trên cơ sở hiệu quả kinh tế có hạch toán đầu vào, đầu ra và lấy nhu cầu xã hội làm đối tượng hướng tới của việc làm, nghĩa là, người nông dân phải thấy được việc làm của họ là nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội đang được phản ánh thông qua thị trường và thông qua việc làm đó họ có thu nhập chính đáng cũng như xứng đáng đối với phần công sức đã bỏ ra. Như vậy, từng bước hình thành tư duy phát triển kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường trong tiềm thức người nông dân, họ phải nghĩ xem sản xuất thứ hàng hóa nào có thể đem lại thu nhập cao nhất chứ không phải sản xuất thứ hàng hóa nào phục vụ tiêu dùng của họ.

Thứ ba, đối với các đối tượng là hộ nông dân có đất bị chuyển đổi mục đích sử dụng, Nhà nước và chính quyền địa phương cần quan tâm tới các khía cạnh như khuyến khích và định hướng cho nông dân sử dụng hợp lý phần tiền được đền bù vào chuyển đổi nghề nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư sinh lợi nhằm ổn định cuộc sống về lâu dài thay vì phục vụ cơ bản các nhu cầu sinh hoạt và tiêu dùng. Có cơ chế cụ thể đối với các chủ thể trực tiếp sử dụng đất trong giải quyết sinh kế của nông dân khi họ bị thu hồi đất, như doanh nghiệp phải cam kết đào tạo và sử dụng lao động của địa phương theo một tỉ lệ nào đó và có những đóng góp nhất định đối với công cuộc phát triển của địa phương, tạo tiền đề để địa phương có điều kiện hỗ trợ những đối tượng không thuộc diện lao động được sử dụng của doanh nghiệp.

Đồng thời, Nhà nước và chính quyền địa phương phải chuẩn bị các hình thức hỗ trợ người dân từ trước khi đất đai của họ được chuyển mục đích sử dụng, một mặt, các hình thức hỗ trợ này sẽ tạo cho người dân tâm lý chủ động trong việc lựa chọn và kiến tạo việc làm, sinh kế của mình, mặt khác, bằng các hình thức hỗ trợ mang tính chủ động, Nhà nước trang bị cho người dân những tiền đề cần thiết để tiếp cận việc làm mới và từng bước phát triển, lành mạnh hoá thị trường lao động trong nước, đáp ứng yêu cầu về lao động trong điều kiện hội nhập.

Thứ tư, hỗ trợ phát triển mô hình kinh tế hộ tự sản xuất, tự tạo việc làm thông qua các gói hỗ trợ tín dụng vi mô, chương trình tín dụng việc làm và các chính sách hỗ trợ khác.

Hỗ trợ các doanh nghiệp đang sử dụng và có khả năng sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, chế biến... cả ở nông thôn và thành thị với cam kết giải quyết việc làm trong giai đoạn khủng hoảng thông qua các gói hỗ trợ tín dụng ưu đãi, giảm thuế, hỗ trợ xuất khẩu, hỗ trợ quỹ lương và bảo hiểm, tiền thuê đất...

Đầu tư phát triển các “công trường lớn” mang tính công ích sử dụng nhiều lao động như thủy điện, công trình thủy lợi lớn, giao thông lớn, khai hoang..., phát triển mô hình thanh niên nông thôn đi xây dựng kinh tế mới, thanh niên lập nghiệp.

Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở ở nông thôn như giao thông nông thôn, thủy lợi,... với mục tiêu tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho người dân.

Phát triển các hoạt động vệ sinh, môi trường như trồng và chăm sóc cây xanh ở thành thị, nạo vét hệ thống thoát nước thành phố, vệ sinh chỉnh trang đô thị thông qua các gói hỗ trợ việc làm môi trường đô thị. Phát triển các dự án trồng và chăm sóc rừng quy mô lớn, vừa giải quyết lao động phổ thông ở nông thôn vừa đảm bảo phát triển bền vững □